

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch phát triển vùng sản xuất rau, củ, quả an toàn
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 3742/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 04/12/2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 391/TTr-SNNPTNT ngày 26/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển vùng sản xuất rau, củ, quả an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025.

Điều 2. Các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố có kế hoạch, chương trình cụ thể tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện của các ngành, địa phương; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- CT và PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Nam 2021\Quyết định\12 10 ban hành KH rau củ quả.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu



KẾ HOẠCH

Phát triển vùng sản xuất rau, củ, quả an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2021
của UBND tỉnh Quảng Nam)*

Thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 04/12/2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch Phát triển vùng sản xuất rau, củ, quả an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 -2025, với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Phát triển sản xuất rau, củ, quả an toàn (rau đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ hoặc các tiêu chuẩn của người đặt hàng) gắn với nhu cầu thị trường, các cơ sở chế biến; phù hợp với lợi thế của từng vùng về điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng; sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước, nhân lực; thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái; đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu thụ rau, củ, quả an toàn cho người dân trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

b) Khuyến khích chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng rau an toàn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Khuyến khích các thành phần kinh tế (cá nhân, tổ chức, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp,...) đầu tư ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào sản xuất rau an toàn theo chuỗi giá trị, chế biến, tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng lớn gắn với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

c) Tăng cường đẩy mạnh việc hình thành các loại hình kinh tế tập thể hợp tác sản xuất, kinh doanh rau, củ, quả và xây dựng thương hiệu, cấp và sử dụng mã số vùng trồng hiệu quả; quảng bá và phát triển làng nghề, du lịch nông nghiệp, thực hiện tốt Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) trên địa bàn tỉnh.

d) Tăng cường trách nhiệm và hiệu quả quản lý nhà nước trong kiểm soát nguồn đầu vào và sản phẩm đầu ra trong sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát: Nâng cao chất lượng, giá trị và hiệu quả trong sản xuất rau, củ, quả, qua đó hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững; tạo việc làm, cải thiện thu nhập cho người dân và góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ nay đến năm 2025.

b) Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu đến năm 2025, đạt các chỉ tiêu sau:

- Tổng diện tích sản xuất rau đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm khoảng 6.000 ha, trong đó 5.000 ha ứng dụng công nghệ cao, tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm. Có ít nhất 10% diện tích rau an toàn được chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP và tiêu chuẩn GAP khác theo quy định (*Chi tiết Kế hoạch thực hiện cho các địa phương tại Phụ lục I kèm theo*). Năng suất bình quân đạt 300 tạ/ha, giá trị thu nhập tăng hơn 15-20% so với sản xuất rau đại trà.

- Hình thành được 8 mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP có ứng dụng công nghệ cao, tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm với quy mô khoảng 5 ha/mô hình trên địa bàn 8 huyện trọng điểm sản xuất rau của tỉnh.

- Kêu gọi và thu hút được 3-5 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm rau đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Phấn đấu giá trị sản xuất trên 01 ha đất canh tác rau, củ, quả đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm trung bình đạt 150 triệu/ha. Và có từ 3-5 sản phẩm được chứng nhận OCOP.

- Có trên 70% sản phẩm rau đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm có chứng nhận được tiêu thụ tại các khu công nghiệp, siêu thị, trường học, khu dân cư tập trung...trên địa bàn tỉnh.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người sản xuất áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến, tưới tiết kiệm...để nâng cao chất lượng và chứng nhận sản phẩm rau, củ, quả an toàn theo quy định; chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm rau, củ, quả đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đến với người tiêu dùng và thị trường tiềm năng.

2. Nghiên cứu xây dựng, ban hành các quy định phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi, thu hút doanh nghiệp đầu tư liên kết phát triển sản xuất vùng chuyên canh rau, củ, quả ứng dụng khoa học công nghệ nhằm sản xuất an toàn, bền vững và hiệu quả.

3. Rà soát, khoanh vùng, định hướng để phát triển các vùng chuyên canh rau, củ, quả tập trung theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, tưới tiết kiệm để xây dựng kế hoạch tổ chức sản xuất phù hợp. Xây dựng một số mô hình điểm (khoảng 8 mô hình) về ứng dụng công nghệ cao, tưới tiết kiệm, áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và xây dựng mô hình điểm liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Trước mắt tập trung củng cố và thành lập mới các hợp tác xã hoặc kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào 03 vùng rau có các cơ sở chế biến hiện có (tại Duy Xuyên, Đại Lộc và Thăng Bình) để phát triển thành các vùng rau chuyên canh của tỉnh.

4. Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, chế biến, tạo ra những sản phẩm chất lượng, có giá trị gắn với việc xây dựng thương hiệu, cấp mã số vùng trồng,

cơ sở đóng gói theo quy định; thực hiện tốt và có hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) đối với việc chứng nhận sản phẩm rau an toàn.

5. Đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực (đội ngũ cán bộ, nông dân, HTX, THT...) phục vụ phát triển sản xuất rau, củ, quả phù hợp với yêu cầu công nghệ mới và nhu cầu thị trường; xây dựng đội ngũ cán bộ, quản lý đủ điều kiện và năng lực để thực hiện nhiệm vụ quản lý nguồn giống, vật tư đầu vào (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) và an toàn thực phẩm (kể cả năng lực đánh giá và tổ chức chứng nhận sản phẩm rau, củ quả an toàn) tại địa phương; đẩy mạnh việc hình thành và phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác.

6. Tập trung và ưu tiên hỗ trợ, xây dựng hệ thống tưới - tiêu phù hợp cho các vùng sản xuất rau, củ, quả tập trung, có quy mô lớn gắn với việc liên kết và tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ liên kết sản xuất, kết nối thị trường tiêu thụ để tìm đầu ra ổn định cho các sản phẩm rau, củ, quả an toàn.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về thông tin, tuyên truyền

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và Nhân dân về định hướng, chủ trương đẩy mạnh sản xuất, phát triển rau, củ, quả an toàn:

- + Tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng chủ trương, chính sách về phát triển sản xuất rau, củ, quả an toàn đến cán bộ quản lý, người lao động và mọi tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận, chung sức và quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện.

- + Xây dựng tài liệu tuyên truyền, phổ biến các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị có hiệu quả và cơ chế chính sách phát triển rau, củ, quả an toàn trên địa bàn tỉnh.

- + Tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật canh tác, nâng cao chất lượng và an toàn thực phẩm đối với sản xuất rau, củ, quả nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

- Mở chuyên trang, chuyên mục về hướng dẫn sản xuất và giới thiệu các sản phẩm rau, củ, quả an toàn trên cổng thông tin của Sở chuyên ngành và ứng dụng Smart của tỉnh.

2. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Phân công đầu mối quản lý và trách nhiệm cụ thể của các Sở, Ban ngành, UBND cấp huyện trong công tác quản lý và phát triển rau, củ, quả trên địa bàn. Rà soát, hướng dẫn, cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với phát triển sản xuất rau, củ, quả an toàn tại địa phương.

- Nâng cao vai trò và hiệu quả quản lý nhà nước nhất là kiểm soát nguồn vật tư đầu vào (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật), đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh rau, củ, quả trên địa bàn theo phân công, phân cấp; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm đối với các cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận; hỗ trợ chứng nhận sản xuất nông nghiệp tốt (GAP). Xử lý kịp thời các hành vi gian lận thương mại trong sản xuất, kinh doanh; không để tình trạng sản phẩm rau, củ, quả kém chất lượng, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm lưu thông trên thị trường, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân.

3. Hỗ trợ tổ chức sản xuất tập trung, đầu tư cơ sở hạ tầng và ứng dụng KHCN để thực hiện một số mô hình điểm

a) Giải pháp về đất đai

- Khuyến khích người dân, doanh nghiệp chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng rau, củ, quả; khuyến khích dồn điền, đổi thửa, tập trung đất trồng rau, củ, quả theo quy định của pháp luật.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đầu tư phát triển sản xuất rau, củ, quả ứng dụng công nghệ cao; đầu tư xây dựng trung tâm sản xuất giống chất lượng cao, xây dựng chợ đầu mối, nhà xưởng, kho bảo quản, chế biến, tiêu thụ rau, củ, quả an toàn.

- Đất thuộc quyền sử dụng của dân, doanh nghiệp tự thỏa thuận với dân theo cơ chế: Góp vốn bằng quyền sử dụng đất (doanh nghiệp thỏa thuận giá trị đất để quy ra vốn góp), cho thuê quyền sử dụng đất (doanh nghiệp tiến hành hợp đồng thuê quyền sử dụng đất của dân, giá trị thuê thỏa thuận giữa doanh nghiệp và hộ nông dân theo quy định của pháp luật).

b) Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ ngân sách và các thành phần kinh tế để đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất rau, củ, quả. Trong đó:

- Tiếp tục rà soát hiện trạng hạ tầng sản xuất tại các địa phương; Nhà nước ưu tiên, bố trí nguồn lực kinh phí để hỗ trợ, đầu tư phát triển hạ tầng cơ bản đồng bộ về giao thông, thủy lợi, điện sản xuất, nhất là khu vực quy hoạch sản xuất tập trung. Việc đầu tư phải gắn với công tác quản lý, bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng công trình; đồng thời, phải có sự tham gia, đóng góp của cộng đồng, dân cư, các cá nhân, tổ chức liên quan trong tổ chức thực hiện.

- Đảm bảo 100% đường giao thông nội đồng trong vùng chuyên canh tập trung, vùng sản xuất, xuất khẩu sản phẩm rau, củ, quả được cứng hóa nhằm tạo sự gắn kết, liên hoàn, thông suốt, đảm bảo thuận tiện cho các phương tiện đi lại vận chuyển hàng hóa và đáp ứng nhu cầu tham quan, trải nghiệm của du khách trong và ngoài tỉnh. Xây dựng lưới điện, trạm biến áp đảm bảo cung ứng và đáp ứng nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp và người dân trong vùng chuyên canh tập trung quy mô lớn.

- Kiểm tra, rà soát chất lượng các công trình thủy lợi để có kế hoạch đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới phù hợp với mục tiêu phát triển vùng chuyên canh tập trung sản xuất sản phẩm rau, củ, quả.

- Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, nông hộ xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, giao thông, điện, nhà kính, nhà lưới trong vùng chuyên canh tập trung và đầu tư các cơ sở bảo quản, chế biến, các chợ đầu mối thu mua sản phẩm rau.

c) Áp dụng khoa học và công nghệ

- Hỗ trợ và khuyến khích các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nông nghiệp, cơ sở sản xuất giống cây trồng, đầu tư để tăng cường áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao.

- Nghiên cứu ứng dụng có hiệu quả công nghệ sinh học trong lai tạo, sản xuất các giống rau, củ, quả đạt tiêu chuẩn và chất lượng cao, đảm bảo cung ứng giống tốt để phục vụ cho nhu cầu sản xuất của người dân. Sử dụng các giống có năng suất chất lượng cao, phù hợp với các tiểu vùng sinh thái tại Quảng Nam; đưa vào trồng mới và ứng dụng kỹ thuật để bố trí sản xuất trái vụ, rải vụ thu hoạch để đảm bảo nguồn cung và nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Khảo nghiệm, du nhập các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt, kháng sâu bệnh, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu và khoảng thời gian thu hoạch kéo dài để bổ sung vào cơ cấu giống rau, củ, quả của tỉnh; ưu tiên sản xuất các giống rau, củ, quả phục vụ xuất khẩu và thay thế nhập khẩu.

- Tăng cường ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ mới vào sản xuất rau, củ, quả như: Công nghệ trồng cây trong nhà kính; công nghệ trồng cây trong dung dịch (thủy canh), khí canh và trên giá thể; công nghệ tưới nhỏ giọt tự động; công nghệ bảo quản và các phương pháp chế biến tiên tiến.

- Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện quy trình canh tác và công nghệ bảo quản sau thu hoạch, công nghệ chế biến đóng gói sản phẩm rau, củ, quả đảm bảo tiêu chí nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc từ mã vạch và công tác giám sát, kiểm soát chất lượng sản phẩm thông qua dữ liệu điện toán đám mây và công nghệ số hóa.

d) Tổ chức thực hiện một số mô hình điểm

Áp dụng các cơ chế hiện có để hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tổ chức thực hiện các mô hình điểm (8 mô hình) ứng dụng công nghệ cao, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP.

4. Về tổ chức liên kết sản xuất

- Tổ chức rà soát, xác định, xây dựng chi tiết vùng sản xuất tập trung cho từng loại rau, củ, quả ở từng địa bàn thôn, xã, gắn với việc xây dựng hệ thống thu mua, bảo quản, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở khai thác lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên; thực hiện chuyển đổi diện tích cây trồng

kém hiệu quả sang trồng rau theo chuỗi giá trị, chế biến sâu, tạo ra những sản phẩm có giá trị nhằm nâng cao giá trị gia tăng.

- Củng cố, đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã từ khâu tổ chức sản xuất đến tiêu thụ theo chuỗi sản phẩm và chuỗi giá trị, trên cơ sở phát triển mối liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất với các kênh tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng kinh tế và kết nối ngân hàng, tín dụng vào chuỗi sản xuất cung ứng rau, củ, quả nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên tham gia vào chuỗi.

- Chú trọng và thường xuyên tổ chức tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong hoạt động sản xuất, kinh doanh rau, củ, quả.

- Xây dựng, chuyên giao và nhân rộng mô hình liên kết tổ chức sản xuất rau, củ, quả ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị gia tăng và thực hành nông nghiệp tốt (GAP). Hình thành liên kết 5 nhà (nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà nước, ngân hàng, nhà khoa học). Nhân rộng phương thức sản xuất, tiêu thụ rau, củ, quả theo đơn đặt hàng từ nhu cầu thị trường.

- Hỗ trợ hình thành và khuyến khích, tạo điều kiện doanh nghiệp liên doanh, liên kết để đầu tư phát triển vùng nguyên liệu theo chuỗi giá trị, đặc biệt là khâu bảo quản, chế biến và tiêu thụ rau, củ, quả tươi.

5. Về tập huấn, đào tạo sử dụng và phát triển nguồn nhân lực

- Mở các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tại chỗ cho nông dân về kỹ thuật sản xuất cây rau, thương mại, dịch vụ sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, kỹ năng quản lý kinh tế hộ, trang trại,...giúp nông dân nâng cao kỹ năng, chất lượng lao động.

- Hỗ trợ để thu hút những cán bộ kỹ thuật có trình độ cao đến làm việc tại các cơ sở và chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất trên địa bàn. Xây dựng các điểm tư vấn cho nông dân, thiết lập hệ thống giao lưu trực tuyến về luật pháp, cơ chế chính sách, thị trường tiêu thụ.

- Khuyến khích đầu tư kinh phí để nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm chất lượng rau, củ, quả đảm bảo an toàn thực phẩm cho các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đủ khả năng đảm nhận công tác quản lý an toàn thực phẩm tại địa phương. Tăng cường đầu tư kinh phí địa phương cho công tác bảo đảm an toàn thực phẩm. Tăng cường công tác xã hội hóa, đa dạng các nguồn lực tài chính và từng bước tăng mức đầu tư cho công tác bảo đảm an toàn; phát triển, khuyến khích các cá nhân, tổ chức tham gia đầu tư, liên doanh, liên kết, chuyển giao công nghệ về kiểm nghiệm an toàn thực phẩm và chứng nhận an toàn thực phẩm.

6. Về bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm

- Hỗ trợ đầu tư sơ chế hợp lý, phấn đấu đến năm 2025 thu hút đầu tư xây dựng để có trên 3 cơ sở chế biến bảo quản, chế biến các sản phẩm từ rau, củ, quả

phù hợp với vùng nguyên liệu đầu tư. Trước mắt củng cố 3 hợp tác xã rau hiện có tại Bình Triều, Duy Phước và Đại An; sửa chữa nâng cấp hệ thống sơ chế, chế biến tại các địa phương này.

- Tăng cường năng lực, sơ chế, bảo quản, giảm tổn thất sau thu hoạch cả về số lượng và chất lượng. Hỗ trợ và tạo điều kiện, khuyến khích doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng nhà sơ chế, xử lý, đóng gói, bảo quản, chế biến rau, củ, quả tại các vùng trồng tập trung, quy mô lớn để đảm bảo chất lượng sản phẩm rau, củ, quả của Quảng Nam đáp ứng cho thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm và du lịch nông nghiệp; thúc đẩy đưa sản phẩm rau, củ, quả an toàn của tỉnh vào các bếp ăn tập thể của nhà hàng, trường học, khu công nghiệp... và các chợ, siêu thị lớn trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương và tổ chức, cá nhân đẩy mạnh việc: Chứng nhận rau an toàn (đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ...); xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, đăng ký mã số vùng trồng, mã số cơ sở chế biến sản phẩm rau, củ, quả an toàn.

7. Về cơ chế, chính sách áp dụng

Vận dụng, lồng ghép các cơ chế, chính sách hiện có để hỗ trợ, đầu tư cho kế hoạch phát triển rau, củ, quả an toàn trên địa bàn.

IV. NHU CẦU NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Tổng nguồn vốn thực hiện đề kế hoạch: 274,2 tỷ đồng. Trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ thông qua các cơ chế, chính sách hiện có: 112,11 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đối ứng của người dân, doanh nghiệp, địa phương và huy động từ các nguồn hợp pháp khác: 162,09 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương hướng dẫn việc rà soát, bổ sung các quy hoạch sản xuất rau, củ, quả vào Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó, chú trọng quy hoạch các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, chú ý quy hoạch, định hướng vùng trồng phù hợp cho từng chủng loại rau.

- Tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách, chủ trương của Trung ương, của Tỉnh về khuyến khích phát triển rau, củ, quả an toàn. Tăng cường công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chú trọng đào tạo nghề cho lao động tại các trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp; tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn, tập huấn liên quan giám sát, chứng nhận rau an toàn trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, nguồn giống có hiệu quả cho người sản xuất; hằng năm, tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm về phát triển rau, củ, quả an toàn...tại các địa phương trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý chuyên ngành việc sản xuất, kinh doanh, buôn bán giống, vật tư nông nghiệp, thuốc BVTV...cung cấp cho các vùng sản xuất cây rau an toàn tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổng hợp nhu cầu, lập kế hoạch kinh phí gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu phân bổ thực hiện.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành liên quan tổng hợp, tham mưu phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện kế hoạch; hướng dẫn các đơn vị, địa phương, các đối tượng hưởng lợi thực hiện đúng các quy định về tài chính, kế toán.

- Hướng dẫn, kiểm tra các địa phương, đơn vị quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh đúng quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành liên quan tổng hợp nhu cầu, lập kế hoạch đầu tư phát triển cho các vùng rau chuyên canh, công nghệ cao.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Có trách nhiệm chỉ đạo công tác kiểm tra tình hình sử dụng đất; có biện pháp xử lý đối với các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, không có hiệu quả, chiếm đất.

- Hướng dẫn các địa phương, các hộ nông dân, doanh nghiệp... thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định; quản lý, hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường trong phát triển rau, củ, quả an toàn.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng, giải quyết xong dứt điểm việc cấp/cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hậu dồn điền đổi thửa; nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh ban hành cơ chế tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

- Hướng dẫn các địa phương và người dân về việc quản lý, khai thác nước dưới đất theo quy định của Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT và các quy định có liên quan.

5. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, giới thiệu và quảng bá sản phẩm từ rau, củ, quả an toàn trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất, kinh doanh, nhất là công nghệ thân thiện môi trường, sản xuất hữu cơ, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thích ứng biến đổi khí hậu, năng lượng sạch...; chú trọng khâu truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn sản phẩm;...

- Hằng năm bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học để thực hiện các đề tài, nghiên cứu... ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong sản xuất, chế biến sản phẩm rau, củ, quả an toàn.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Kịp thời tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2021-2025; tăng cường nguồn lực đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: Tăng cường công tác thông tin, truyền thông về các chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển rau an toàn trên địa bàn tỉnh; giới thiệu các mô hình hay, điển hình, hiệu quả; xúc tiến các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là công nghệ 4.0 vào hoạt động sản xuất - kinh doanh rau, củ, quả an toàn; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến sản xuất rau.

9. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Nam: Chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh thực hiện các quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các nguồn vốn vay khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho chủ vườn, chủ trang trại tiếp cận các nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển rau, củ, quả an toàn trên địa bàn tỉnh.

10. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Hội, đoàn thể tỉnh: Tăng cường công tác phối hợp, tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia phát triển rau, an, toàn trên địa bàn; vận động, hình thành các câu lạc bộ, nhóm hộ... để chia sẻ thông tin và hỗ trợ nhau trong sản xuất.

11. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Rà soát, thống kê quỹ đất sản xuất nông nghiệp cấp huyện, trên cơ sở đó khoanh vùng để đầu tư, xây dựng các vùng sản xuất rau, củ, quả tập trung.

- Căn cứ vào kế hoạch và điều kiện cụ thể, các địa phương triển khai xây dựng kế hoạch phát triển rau, củ, quả an toàn trên địa bàn quản lý giai đoạn 2022-2025, làm căn cứ lập kế hoạch dự toán và vận dụng các nguồn kinh phí thực hiện. Hằng năm báo cáo kết quả thực hiện trong năm và xây dựng kế hoạch thực hiện trong năm tiếp theo về Sở Nông nghiệp và PTNT trước 15/10 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Chỉ đạo, ưu tiên bố trí ngân sách cấp huyện và lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án để hỗ trợ phát triển cây rau, nhất là rau an toàn có chứng nhận.

- Nâng cao năng lực giám sát và quản lý chất lượng sản phẩm rau an toàn nhằm đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch đề ra.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tăng cường công tác quản lý nhà nước về sản xuất, tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn; đồng thời chủ động tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện quy chế giám sát cộng đồng đối với việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau an toàn trên địa bàn quản lý.

- Đưa các chỉ tiêu phát triển rau củ quả an toàn vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm cho từng địa bàn cấp xã và làm cơ sở đánh giá, thi đua trên địa bàn cấp huyện.

Trên đây là kế hoạch phát triển rau, củ, quả an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 -2025; yêu cầu các ngành, địa phương căn cứ triển khai thực hiện. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh cần điều chỉnh thì có văn bản phản ánh gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, hướng dẫn kịp thời hoặc tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT RAU AN TOÀN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2022-2025

Năm Địa phương	2022		2023		2024		2025		Tổng cộng DT rau CN đảm bảo VSATTP (ha)	Tổng cộng DT rau chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP (ha)
	Rau chứng nhận đảm bảo điều kiện ATTP (ha)	Rau chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP (ha)	Rau chứng nhận đảm bảo điều kiện ATTP (ha)	Rau chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP (ha)	Rau chứng nhận đảm bảo điều kiện ATTP (ha)	Rau chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP (ha)	Rau chứng nhận đảm bảo điều kiện ATTP (ha)	Rau chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP (ha)		
Tam Kỳ	20	8	30	10	40	12	60	20	150	50
Hội An	20	8	30	10	40	12	60	20	150	50
Đại Lộc	200	20	250	30	300	35	325	40	1075	125
Điện Bàn	200	30	250	40	350	60	350	70	1150	200
Duy Xuyên	205	20	250	30	320	35	350	40	1125	125
Thăng Bình	100	20	200	30	250	45	300	55	850	150
Phú Ninh	50	8	80	10	90	12	110	20	330	50
Núi Thành	30	8	50	10	70	12	100	20	250	50
Quế Sơn	8	0	10	0	12	0	20	0	50	0
Hiệp Đức	8	0	10	0	10	0	12	0	40	0
Nông Sơn	4	0	4	0	6	0	6	0	20	0
Bắc Trà My	2	0	2	0	3	0	3	0	10	0
Tổng cộng	847	122	1166	170	1491	223	1696	285	5200	800

Phụ lục II**KHAI TOÁN PHÂN KỲ KINH PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2022-2025**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Kinh phí thực hiện	Ngân sách tỉnh thực hiện qua các năm				Ngân sách tỉnh bằng các cơ chế hiện có	Kinh phí đối ứng/ lồng ghép
			2022	2023	2024	2025		
01	Rà soát khoanh vùng sản xuất rau chuyên canh trên địa bàn huyện (12 huyện, thị xã, thành phố)	1.300	1.300	0	0	0		1.300
02	Hỗ trợ đầu tư xây dựng mô hình điểm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm được chứng nhận VietGAP với quy mô 5 ha/mô hình: 7.459 triệu/MH x 8 MH	59.600	0	8.490	8.490	5.660	22.640	36.960
03	Hỗ trợ đầu tư về giao thông nội đồng, thủy lợi, các kết cấu hạ tầng khác và trang thiết bị phục vụ sản xuất trong khu vực tập trung đối với khu nông nghiệp tập trung có HĐ liên kết có quy mô 5 ha trở lên ngoài mô hình điểm (12 công trình)	120.000	9.000	9.000	9.000	9.000	36.000	84.000
04	Hỗ trợ chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP (bao gồm tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, chứng nhận...) ngoài mô hình: 720 ha	14.400		4.800	4.800	4.800	14.400	0
05	Hỗ trợ đầu tư áp dụng mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm trong sản xuất rau ngoài mô hình điểm: 24 MH	24.000		4.800	4.800	4.800	14.400	9.600

06	Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, kinh phí tham gia các hội chợ triển lãm trong nước, ngoài nước được cấp thẩm quyền phê duyệt.	24.000		4.000	4.000	4.000	12.000	12.000
07	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư các khu vực, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị xử lý môi trường	7.000	900	900	300	0	2.100	4.900
08	Hỗ trợ doanh nghiệp có trang điện tử quốc gia	100	10	20	10	10	50	50
09	Tham quan, học tập kinh nghiệm	500	100	100	100	100	400	100
10	Đào tạo, tập huấn sản xuất rau đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (52.000 người khoảng 1040 lớp/8 triệu/lớp)	10.400	1.600	2.400	2.400	1.920	8.320	2.080
11	Hỗ trợ chứng nhận rau đủ điều kiện an toàn thực phẩm (bao gồm lấy mẫu phân tích đất nước...)	10.400	0	0	0	0	0	10.400
12	Thông tin Tuyên truyền	1.000	200	200	200	400	1.000	1.000
13	Chi phí kiểm tra, giám sát thực hiện...	1.500	200	200	200	200	800	700
	Tổng cộng	274.200	13.310	34.910	34.200	30.890	112.110	162.090